

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2023/HNGĐ-ST

Ngày 31/3/2023

“V/v: Ly hôn và nuôi con chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Liên.

2. Bà Phạm Thị Tuyết Nhung.

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Cảnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Lê Minh Thuận, Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2023, tại Hội trường xét xử trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1046/2022/TLST – HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2022, về việc: *“Ly hôn và nuôi con chung”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số: 30/2023/QĐST-HNGĐ ngày 09/3/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phùng Thị Phương T, sinh năm 1989.

Địa chỉ: phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ liên hệ: phường T1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Kiều H, sinh năm 1987.

Địa chỉ: phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Phùng Thị Phương T trình bày có nội dung như sau:

Bà Phùng Thị Phương T và ông Nguyễn Kiều H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 13/03/2012. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu sau

đó thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống, ông Nguyễn Kiều H không quan tâm chăm sóc đến gia đình vợ con mà ham mê tham gia đường dây cá độ bóng banh gây ra nợ lẫn nhiều tiền, bà T đã cho ông H nhiều cơ hội nhưng vẫn không thay đổi. Sau đó đến đầu năm 2016 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh căng thẳng và sống ly thân cho đến nay, nay bà T thấy không còn tình cảm với ông H nữa nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà T được ly hôn với ông Nguyễn Kiều H.

Về con chung, bà T và ông Nguyễn Kiều H có một con chung là Nguyễn Phương A, sinh ngày 07/02/2013, hiện nay con chung đang sống cùng với bà T, sau khi ly hôn bà T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ tuổi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Kiều H: Trong quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng cố tình không hợp tác làm việc, vắng mặt không tham gia tố tụng nên Tòa án không tiến hành ghi lời khai, công khai chứng cứ và hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử của Thẩm phán và tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 220, Điều 227, Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phùng Thị Phương T xin ly hôn ông Nguyễn Kiều H.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phùng Thị Phương T được ly hôn với ông Nguyễn Kiều H.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phương A, sinh ngày 07/02/2013 cho bà Phùng Thị Phương T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ tuổi thành niên.

Ông Nguyễn Kiều H có quyền, nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà T không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn bà T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình, bị đơn ông Nguyễn Kiều H có cư trú và sinh sống tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Phùng Thị Phương T vắng có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Kiều H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông H là phù hợp với Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông H lấy nhau trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 13/03/2012, là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trong quá trình chung sống, thì vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian sau đó thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống, ông Nguyễn Kiều H không quan tâm chăm sóc đến gia đình vợ con, ham mê chơi bời, bà T đã cho ông H nhiều cơ hội nhưng vẫn không thay đổi. Sau đó đến đầu năm 2016 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh căng thẳng và sống ly thân cho đến nay, nay bà T thấy không còn tình cảm với ông H nữa nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà T được ly hôn với ông Nguyễn Kiều H.

Tại biên bản xác minh của Tòa án chính quyền địa phương cho biết bà T và ông H là vợ chồng, sau khi kết hôn bà T và ông H có cư trú và sinh sống tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Về mâu thuẫn vợ chồng thì được biết ông Nguyễn Kiều H không quan tâm chăm sóc đến gia đình vợ con, ham mê chơi bời nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã nhau, vợ chồng đã cố gắng hàn gắn nhưng cuộc sống vợ chồng vẫn không có hạnh phúc, hiện vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay và hiện con chung là Nguyễn Phương A, sinh ngày 07/02/2013 đang do bà T trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông H vắng mặt không tham gia tố tụng, cố tình lẩn tránh, nên để cho tình cảm, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng không hòa giải đoàn tụ được.

Xét mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng giữa bà T và ông H đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân thì không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về con chung: Hiện nay bà T đang trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Phương A, sinh ngày 07/02/2013, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung và để ổn định cuộc sống của con chung nên cần giao cháu Nguyễn Phương A cho bà Phùng Thị Phương T được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên.

Ông Nguyễn Kiều H có quyền thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung: Tại đơn khởi kiện bà T yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng/tháng, tuy nhiên ngày 06/12/2022 bà T đã có đơn rút yêu cầu là tự nguyện, nên Hội đồng xét xử chấp nhận đình chỉ giải quyết, xét xử đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

[5]. Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

[6]. Về án phí: Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 220, Điều 227, Điều 228; Điều 244; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phùng Thị Phương T xin ly hôn ông Nguyễn Kiều H.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phùng Thị Phương T được ly hôn ông Nguyễn Kiều H.

Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Phương A, sinh ngày 07/02/2013 cho bà Phùng Thị Phương T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ tuổi thành niên.

Ông Nguyễn Kiều H có quyền, nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Phùng Thị Phương T không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

Đình chỉ giải quyết, xét xử: Đối với yêu cầu của bà T về việc yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng/tháng.

Về án phí: Bà Phùng Thị Phương T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà bà T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2021/0022722 ngày 23/11/2022.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- *TA tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND TP. B;*
- *CCTHADS TP. B;*
- *UBND phường T, TP. B;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu: HS + VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Đình Thanh